

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	841021	Kiến trúc máy tính	3	120	Hà Thanh Dũng	11544	01		2	1	3	C.HB406	DCT1251	-234567890-----
2			3	120	Hà Thanh Dũng	11544			2	4	2	C.HB406	DCT1251	-234567890-----
3	841021	Kiến trúc máy tính	3	120	Hà Thanh Dũng	11544	02		2	6	3	C.HB406	DCT1252	-234567890-----
4			3	120	Hà Thanh Dũng	11544			2	9	2	C.HB406	DCT1252	-234567890-----
5	841021	Kiến trúc máy tính	3	120	Huỳnh Tổ Hạp	20790	03		4	6	3	C.HB406	DCT1253	-234567890-----
6			3	120	Huỳnh Tổ Hạp	20790			4	9	2	C.HB406	DCT1253	-234567890-----
7	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	08		4	1	2	C.A104	DCT1241	123456789-----
8			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			4	3	3	C.A104	DCT1241	123456789-----
9	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	08	01	5	6	3	C.A103	DCT1241	1234567890-----
10	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	09		4	6	3	C.A104	DCT1242	123456789-----
11			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			4	9	2	C.A104	DCT1242	123456789-----
12	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	09	01	3	3	3	C.A104	DCT1242	1234567890-----
13	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	10		2	1	2	C.A104	DCT1243	12345678901-----
14			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			3	1	2	C.A104	DCT1243	12345678901-----
15	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	10	01	2	3	3	C.A104	DCT1243	1234567890-----
16	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	11		3	6	2	C.A103	DCT1244	12345678901-----
17			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			5	9	2	C.A103	DCT1244	12345678901-----
18	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	11	01	3	8	3	C.A301	DCT1244	1234567890-----
19	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	14		2	9	2	C.A103	DCT1241	12345678901-----
20			4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			6	9	2	C.A103	DCT1241	12345678901-----
21	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	14	01	6	6	3	C.A103	DCT1241	1234567890-----
22	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	15		4	9	2	C.A103	DCT1242	12345678901-----
23			4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			6	1	2	C.A103	DCT1242	12345678901-----
24	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	15	01	4	6	3	C.A103	DCT1242	1234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
25	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Minh Hải	20815	16		3	6	2	C.A102	DCT1243	12345678901-----
26			4	50	Nguyễn Minh Hải	20815			5	6	2	C.A102	DCT1243	12345678901-----
27	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Minh Hải	20815	16	01	3	8	3	C.A102	DCT1243	1234567890-----
28	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Minh Hải	20815	17		5	9	2	C.A102	DCT1244	12345678901-----
29			4	50	Nguyễn Minh Hải	20815			6	6	2	C.A102	DCT1244	12345678901-----
30	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Minh Hải	20815	17	01	6	8	3	C.A102	DCT1244	1234567890-----
31	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	06		4	6	3	C.D401	DCT1231	123456789-12345----
32	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	06	01	4	9	2	C.D401	DCT1231	123456789-12345----
33	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	07		4	1	3	C.E402	DCT1232	123456789-12345----
34	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	07	01	4	4	2	C.E402	DCT1232	123456789-12345----
35	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	08		2	1	3	C.E402	DCT1233	1234567890-2345----
36	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	08	01	2	4	2	C.E402	DCT1233	1234567890-2345----
37	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	09		7	1	3	C.E403	DCT1234	1234567890-2345----
38	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	09	01	7	4	2	C.E403	DCT1234	1234567890-2345----
39	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	10		7	6	3	C.E403	DCT1235	123456789-12345----
40	841047	Công nghệ phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	10	01	7	9	2	C.E403	DCT1235	123456789-12345----
41	841070	Thực tập tốt nghiệp (DCT)	6	100			02		2	1	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
42			6	100					2	6	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
43			6	100					3	1	5	TTSP35	DCT1213	123456789012345----
44			6	100					3	6	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
45			6	100					4	1	5	TTSP35	DCT1213	123456789012345----
46			6	100					4	6	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
47			6	100					5	1	5	TTSP32	DCT1213	123456789012345----
48			6	100					5	6	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
49			6	100					6	1	5	TTSP32	DCT1213	123456789012345----
50			6	100					6	6	5	TTSP35	DCT1213	123456789012345----
51			6	100					7	1	5	TTSP33	DCT1213	123456789012345----
52			6	100					7	6	5	TTSP03	DCT1213	123456789012345----
53	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	01		6	6	3	C.HB406	DCT1211	123456789012-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
54	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	01	01	6	9	2	C.HB406	DCT1211	123456789012-----
55	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	02		7	1	3	C.HB406	DCT1212	123456789012-----
56	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	02	01	7	4	2	C.HB406	DCT1212	123456789012-----
57	841099	Khóa luận tốt nghiệp (DCT)	10	100			01		0	0	5		DCT1211	123456789012345----
58	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	07		6	1	3	C.D401	DCT1231	123456789-12345----
59	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	07	01	6	4	2	C.D401	DCT1231	123456789-12345----
60	841120	An toàn và bảo mật dữ liệu trong HTTT	3	90	Trương Tấn Khoa	11384	01		5	1	3	C.C107	DCT1221	123456789012-----
61	841120	An toàn và bảo mật dữ liệu trong HTTT	3	90	Trương Tấn Khoa	11384	01	01	5	4	2	C.C107	DCT1221	123456789012-----
62	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Phan Tấn Quốc	10631	08		3	1	2	C.A304	DCT1251	-234567890-----
63			4	50	Phan Tấn Quốc	10631			3	3	3	C.A304	DCT1251	-234567890-----
64	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	08	01	7	1	3	C.A102	DCT1251	-2345678901-----
65	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Phan Tấn Quốc	10631	09		7	1	3	C.A301	DCT1251	-234567890-----
66			4	50	Phan Tấn Quốc	10631			7	4	2	C.A301	DCT1251	-234567890-----
67	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	09	01	7	6	3	C.A102	DCT1251	-2345678901-----
68	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383	10		2	3	3	C.E605	DCT1252	-234567890-----
69			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			6	1	2	C.E605	DCT1252	-234567890-----
70	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	10	01	3	1	3	C.HB403	DCT1252	-2345678901-----
71	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383	11		4	4	2	C.E605	DCT1252	-234567890-----
72			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			6	3	3	C.E605	DCT1252	-234567890-----
73	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	11	01	2	1	3	C.A103	DCT1252	-2345678901-----
74	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	12		5	6	2	1.C301	DCT1253	-234567890-----
75			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			6	1	3	1.C204	DCT1253	-234567890-----
76	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	12	01	5	8	3	1.C301	DCT1253	-2345678901-----
77	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	13		6	4	2	1.C204	DCT1253	-23456789012-----
78			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			6	9	2	1.C105	DCT1253	-23456789012-----
79	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	13	01	6	6	3	1.C105	DCT1253	-2345678901-----
80	841403	Cấu trúc rời rạc	4	120	Phạm Thế Bảo	11381	08		2	6	3	C.E201	DCT1251	-2345678901-----
81			4	120	Phạm Thế Bảo	11381			3	6	3	C.E201	DCT1251	-2345678901-----
82	841403	Cấu trúc rời rạc	4	120	Nguyễn Hòa	10943	09		6	6	2	1.A202	DCT1252	-2345678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
83	841403	Cấu trúc rời rạc	4	120	Nguyễn Hòa	10943	09		7	6	4	C.A016	DCT1252	-2345678901-----
84	841403	Cấu trúc rời rạc	4	120	Nguyễn Hòa	10943	10		4	1	3	1.B001	DCT1253	-2345678901-----
85			4	120	Nguyễn Hòa	10943			7	1	3	C.C106	DCT1253	-2345678901-----
86	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	06		6	1	3	C.E402	DCT1234	123456789-12345----
87	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	06	01	6	4	2	C.E402	DCT1234	123456789-12345----
88	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	07		5	6	3	C.E402	DCT1235	123456789-12345----
89	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	07	01	5	9	2	C.E402	DCT1235	123456789-12345----
90	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	08		3	6	3	C.E403	DCT1234	1234567890-2345----
91	841408	Kiểm thử phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	08	01	3	9	2	C.E403	DCT1234	1234567890-2345----
92	841409	Mạng máy tính nâng cao	4	50	Lương Minh Huấn	11364	01		7	6	2	C.A301	DCT1232	123456789--234-----
93			4	50	Lương Minh Huấn	11364			7	8	3	C.A301	DCT1232	123456789--234-----
94	841411	Quản trị mạng	4	70	Lương Minh Huấn	11364	01		5	9	2	1.C203	DCT1232	123456789--23-----
95			4	70	Lương Minh Huấn	11364			7	4	2	C.B105	DCT1232	123456789--23-----
96	841411	Quản trị mạng	4	70	Lương Minh Huấn	11364	01	01	7	1	3	C.B105	DCT1232	123456789--2-----
97	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	01		5	1	3	C.E403	DCT1241	123456789-----
98	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	01	01	5	4	2	C.E403	DCT1241	123456789-----
99	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	02		5	6	3	C.HB406	DCT1242	123456789-----
100	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	02	01	5	9	2	C.HB406	DCT1242	123456789-----
101	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	01		6	6	3	C.HB403	DCT1231	123456789-12345----
102	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	01	01	6	9	2	C.HB403	DCT1231	123456789-12345----
103	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	02		2	6	3	C.E403	DCT1232	1234567890-2345----
104	841423	Ngôn ngữ lập trình C#	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	02	01	2	9	2	C.E403	DCT1232	1234567890-2345----
105	841429	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	90	Nguyễn Duy Hàm	11717	07		3	9	2	C.E201	DCT1231	123456789-----
106			4	90	Nguyễn Duy Hàm	11717			4	1	3	C.E201	DCT1231	123456789-----
107	841429	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	90	Nguyễn Duy Hàm	11717	07	01	3	6	3	C.C107	DCT1231	123456789--2-----
108	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		2	1	3	C.D401	DCT1221	123456789012345----
109	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01	01	2	4	2	C.D401	DCT1221	123456789012345----
110	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		2	6	3	C.D401	DCT1222	123456789012345----
111	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02	01	2	9	2	C.D401	DCT1222	123456789012345----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
112	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	04		4	3	3	C.E301	DCT1222	123456789012345----
113	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	04	01	4	1	2	C.E102	DCT1222	123456789012345----
114	841432	Phân tích dữ liệu	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01		7	1	3	C.C101	DCT1221	123456789012345----
115	841432	Phân tích dữ liệu	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01	01	7	4	2	C.C101	DCT1221	123456789012345----
116	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	01		3	1	3	C.D401	DCT1221	123456789012345----
117	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	01	01	3	4	2	C.D401	DCT1221	123456789012345----
118	841439	Mạng không dây	4	40	Nguyễn Trung Tín	11377	01		2	6	3	C.A102	DCT1211	123456789012345----
119	841439	Mạng không dây	4	40	Nguyễn Trung Tín	11377	01	01	2	9	2	C.A102	DCT1211	123456789012345----
120	841442	Mạng đa phương tiện và di động (ngành CNTT)	3	40	Huỳnh Lê Minh Thiện	11137	01		4	6	3	1.C203	DCT1211	123456789012345----
121	841443	Phân tích mạng truyền thông xã hội	3	40	Phan Tấn Quốc	10631	01		5	3	3	1.C205	DCT1223	123456789012345----
122	841444	Quản trị và bảo trì hệ thống	3	40	Nguyễn Trung Tín	11377	01		6	1	3	1.C104	DCT1223	123456789012345----
123	841445	Hệ thống ảo và khả năng mở rộng dữ liệu	3	40	Lương Minh Huấn	11364	01		5	6	3	1.C203	DCT1223	123456789012345----
124	841448	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	06		6	1	3	C.C107	DCT1233	123456789-12345----
125	841448	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	06	01	6	4	2	C.E201	DCT1233	123456789-12345----
126	841449	Nhập môn máy học	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01		7	6	3	C.B108	DCT1233	123456789-12345----
127	841449	Nhập môn máy học	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01	01	7	9	2	C.B108	DCT1233	123456789-12345----
128	841452	Tính toán thông minh	3	90	Huỳnh Minh Trí	20766	01		5	6	3	1.C101	DCT1224	123456789012345----
129	841453	Phân tích và nhận dạng mẫu	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		7	6	3	C.D401	DCT1224	123456789012345----
130	841453	Phân tích và nhận dạng mẫu	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01	01	7	9	2	C.D401	DCT1224	123456789012345----
131	841457	Học sâu	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		5	1	3	C.E201	DCT1224	123456789012345----
132	841457	Học sâu	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01	01	5	4	2	C.E201	DCT1224	123456789012345----
133	841458	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01		2	1	3	C.C107	DCT1224	123456789012345----
134	841458	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	4	90	Đỗ Như Tài	11742	01	01	2	4	2	C.C107	DCT1224	123456789012345----
135	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	01		6	6	3	C.E402	DCT1234	123456789-12345----
136	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	01	01	6	9	2	C.E402	DCT1234	123456789-12345----
137	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	02		3	1	3	C.E403	DCT1235	1234567890-2345----
138	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	02	01	3	4	2	C.E403	DCT1235	1234567890-2345----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
139	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Trần Đình Nghĩa	10601	03		7	1	3	C.E304	DCT1235	123456789-12345----
140	841461	Nhập môn phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	4	90	Trần Đình Nghĩa	10601	03	01	7	4	2	C.E304	DCT1235	123456789-12345----
141	841467	Công nghệ .NET	4	120	Cao Minh Thành	10011	01		3	6	3	C.E301	DCT1222	123456789012345----
142	841467	Công nghệ .NET	4	120	Cao Minh Thành	10011	01	01	3	9	2	C.E301	DCT1222	123456789012345----
143	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		5	6	3	C.E403	DCT1222	123456789012345----
144	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01	01	5	9	2	C.E403	DCT1222	123456789012345----
145	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	03		6	6	3	C.D401	DCT1222	123456789012345----
146	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	03	01	6	9	2	C.D401	DCT1222	123456789012345----
147	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		7	6	5	C.C107	DCT1211	123456789012-----
148	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Phan Tấn Quốc	10631	02		7	6	5	C.B109	DCT1212	123456789012-----
149	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		7	1	2	C.E205	DCT1211	123456789-----
150			3	120	Nguyễn Tuấn Đăng	11453			7	3	3	C.E205	DCT1211	123456789-----
151	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	02		5	6	2	C.E201	DCT1212	123456789-----
152			3	120	Nguyễn Tuấn Đăng	11453			5	8	3	C.E201	DCT1212	123456789-----
153	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	120	Trịnh Tấn Đạt	11383	08		7	1	2	C.A016	DCT1251	-234567890-----
154			3	120	Trịnh Tấn Đạt	11383			7	3	3	C.A016	DCT1251	-234567890-----
155	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	120	Trịnh Tấn Đạt	11383	09		3	6	3	1.B001	DCT1252	-234567890-----
156			3	120	Trịnh Tấn Đạt	11383			3	9	2	1.B001	DCT1252	-234567890-----
157	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	120	Lương Minh Huân	11364	10		5	1	3	C.HB406	DCT1253	-234567890-----
158			3	120	Lương Minh Huân	11364			5	4	2	C.HB406	DCT1253	-234567890-----
159	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đào Công Nghĩa	10784	33		2	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
160			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			2	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
161	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đào Công Nghĩa	10784	33		3	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
162			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			3	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
163			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
164			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
165			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
166			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
167			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
168			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
169			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
170			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----0-----
171	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650	34		2	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
172			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			2	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
173			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
174			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
175			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
176			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
177			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
178			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
179			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
180			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
181			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
182			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----0-----
183	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Trần Văn Diện	11756	35		2	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
184			4	80	Trần Văn Diện	11756			2	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
185			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
186			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
187			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
188			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
189			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
190	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Trần Văn Diện	11756	35		5	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
191			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
192			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
193			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
194			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----0-----
195	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đỗ Hữu Dự	11602	36		2	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
196			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			2	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
197			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
198			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			3	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
199			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
200			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			4	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
201			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
202			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			5	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
203			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			6	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
204			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			6	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
205			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	1	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
206			4	80	Đỗ Hữu Dự	11602			7	6	5	4.S_QP04	DCT1234	-----0-----
207	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	37		2	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
208			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			2	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
209			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
210			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
211			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
212			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
213			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
214			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
215			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
216			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
217			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----
218			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	6	5	4.S-QP05	DCT1235	-----0-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
219	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Nguyễn Văn Úy	11746	38		2	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
220			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			2	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
221			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
222			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
223			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
224			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
225			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
226			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
227			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
228			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
229			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	1	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
230			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	6	5	4.S-QP06	DCT1236	-----0-----
231	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Đào Công Nghĩa	10784	39		2	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
232			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			2	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
233			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			3	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
234			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			3	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
235			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
236			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			4	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
237			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
238			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			5	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
239			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
240			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			6	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
241			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	1	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
242			4	80	Đào Công Nghĩa	10784			7	6	5	4.S_QP01	DCT1231	-----1-----
243	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650	40		2	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
244			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			2	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
245			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
246			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
247			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
248	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650	40		4	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
249			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
250			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
251			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
252			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
253			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	1	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
254			4	80	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	6	5	4.S_QP02	DCT1232	-----1-----
255	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Trần Văn Diện	11756	41		2	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
256			4	80	Trần Văn Diện	11756			2	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
257			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
258			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
259			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
260			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
261			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
262			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
263			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
264			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
265			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	1	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
266			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	6	5	4.S_QP03	DCT1233	-----1-----
267	864007	Đại số tuyển tính	3	120	Nguyễn Sum	11372	03		5	6	2	C.E603	DCT1251	--345678901-----
268			3	120	Nguyễn Sum	11372			6	6	3	C.E603	DCT1251	--345678901-----
269	864007	Đại số tuyển tính	3	120	Phan Hoàng Chon	10874	04		4	6	3	2.A201	DCT1252	--345678901-----
270			3	120	Phan Hoàng Chon	10874			7	4	2	2.B303	DCT1252	--345678901-----
271	864007	Đại số tuyển tính	3	120	Phan Đức Tuấn	11051	05		2	3	3	2.B204	DCT1253	--345678901-----
272			3	120	Phan Đức Tuấn	11051			3	9	2	2.C006	DCT1253	--345678901-----
273	864007	Đại số tuyển tính	3	120	Nguyễn Lương Thái Bình	10134	06		4	8	3	C.E503	DCT1254	--345678901-----
274			3	120	Nguyễn Lương Thái Bình	10134			5	9	2	2.A201	DCT1254	--345678901-----
275	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Trần Anh Tuấn	20810	08		7	6	3	C.C101	DCT1241	12345678901-----
276			4	90	Trần Anh Tuấn	20810			7	9	2	C.C101	DCT1241	12345678901-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
277	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Trần Anh Tuấn	20810	08	01	3	4	2	C.HB403	DCT1241	1234567890-----
278	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	09		2	9	2	C.C101	DCT1242	12345678901-----
279			4	90	Huỳnh Minh Trí	20766			7	4	2	C.E201	DCT1242	12345678901-----
280	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	09	01	2	6	3	C.C101	DCT1242	1234567890-----
281	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	10		4	2	2	C.D401	DCT1243	12345678901-----
282			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			7	4	2	C.E301	DCT1243	12345678901-----
283	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	10	01	7	1	3	C.E301	DCT1243	1234567890-----
284	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Lê Tấn Long	11610	11		3	3	3	C.E402	DCT1244	123456789-----
285			4	90	Lê Tấn Long	11610			7	4	2	C.D401	DCT1244	123456789-----
286	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Lê Tấn Long	11610	11	01	7	1	3	C.D401	DCT1244	1234567890-----
287	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Lê Tấn Long	11610	12		3	9	2	C.E402	DCT1241	12345678901-----
288			4	90	Lê Tấn Long	11610			4	9	2	C.HB403	DCT1241	12345678901-----
289	872518	Lý thuyết đồ thị	4	90	Lê Tấn Long	11610	12	01	3	6	3	C.E402	DCT1241	1234567890-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu